

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN  
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ: .....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên  ; Giảng viên thỉnh giảng  \*

Ngành: Khoa học trái đất; Chuyên ngành: Địa lý

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Hữu Duy
2. Ngày tháng năm sinh: 15/11/1989; Nam  ; Nữ  ; Quốc tịch: Việt Nam;
3. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Thôn Nghi Khúc, Xã An Bình, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số nhà 20, ngách 106, ngõ Xã Đàn II, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Khoa Địa lý, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội  
Điện thoại nhà riêng: .....; Điện thoại di động: 0944846664;  
E-mail: nguyenhuuduy@hus.edu.vn
7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):
  - Từ tháng 01/07 năm 2019 đến tháng 31/08 năm 2019: Hợp đồng thời hạn 2 tháng tại Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ tháng 01/9/2019 đến 30/08/2020: Giảng viên (hợp đồng xác định thời hạn) tại Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

- 01/09/2020 đến nay: Giảng viên tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN
- Chức vụ hiện nay: Phó Trưởng Bộ môn Địa nhân văn và Quy hoạch;
- Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng Bộ môn Địa nhân văn và Quy hoạch;
- Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Địa lý, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN
- Địa chỉ cơ quan: 334 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Hà Nội
- Điện thoại cơ quan: 0243-8581420
- Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Hướng dẫn Học viên cao học tại Trường Đại học Thùy Lợi, Đại học Mỏ - Địa chất

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ..... năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): .....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 22 tháng 06 năm 2011; số văn bằng: QC 085692; ngành: Địa chính, chuyên ngành: Quản lý đất đai; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội
- Được cấp bằng ThS ngày 20 tháng 01 năm 2015; số văn bằng: ORLEANS 10428757/2015201303018; ngành: Địa lý và Quy hoạch; chuyên ngành: Phát triển bền vững tại các khu vực mới nổi; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Orléans, Cộng Hòa Pháp
- Được cấp bằng TS ngày 15 tháng 05 năm 2019; số văn bằng: ORLEANS 13684399/2019201705441; ngành: Địa lý và Quy hoạch; chuyên ngành: Địa lý và Quy hoạch; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Orléans, Cộng Hòa Pháp
- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ....; số văn bằng: .....; ngành: .....; chuyên ngành: .....; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): .....

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ..... tháng ..... năm ..... ,  
ngành: .....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Khoa học Trái đất – Mỏ

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

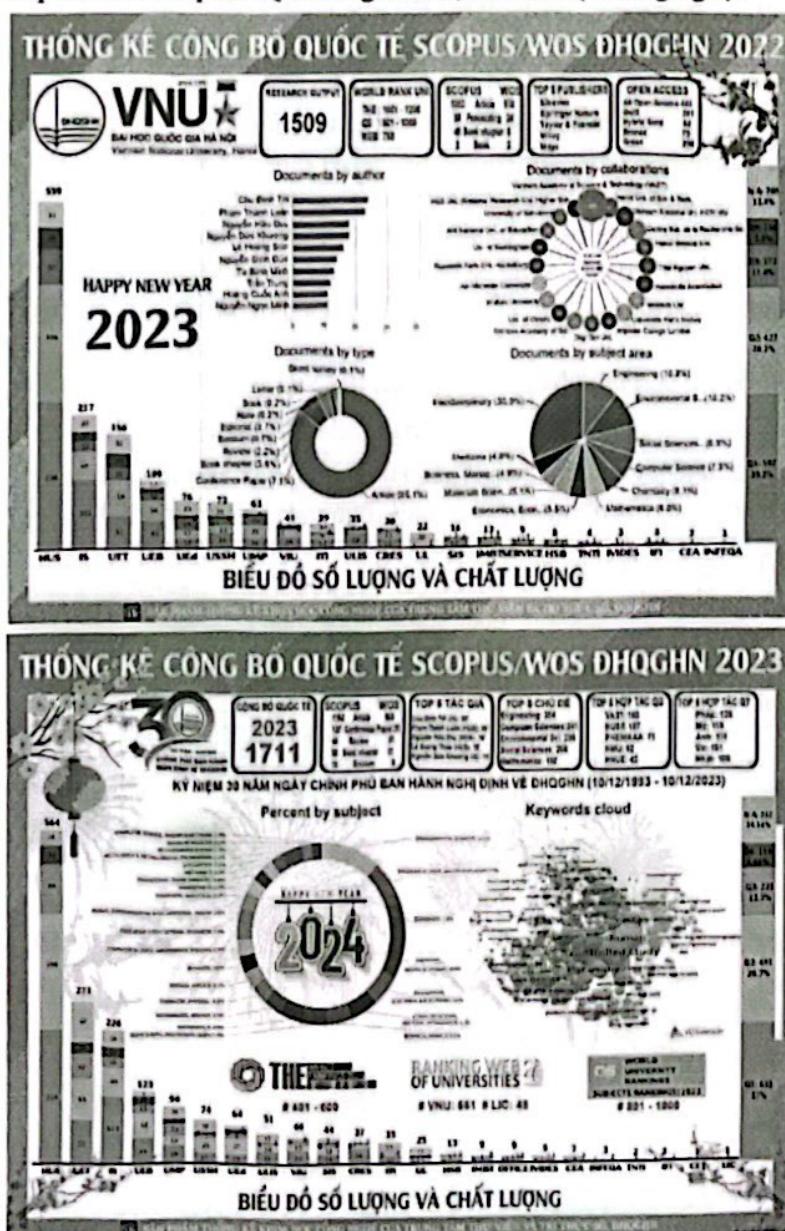
- Nghiên cứu tai biến thiên nhiên trong quy hoạch.
- Địa lý tài nguyên và môi trường.





Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước  
 còn tăng cường cơ hội giao lưu, trao đổi và học hỏi từ các đồng nghiệp, chuyên gia và nhà khoa học khác, từ đó nâng cao kiến thức và kinh nghiệm nghiên cứu của bản thân. Cụ thể:  
 Ứng viên đã chủ trì 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nafosted, 01 đề tài cấp ĐHQGHN, tham gia 03 đề tài cấp ĐHQGHN, 01 đề tài cấp Bộ Tài nguyên và Môi trường với vai trò thành viên chính (tất cả đã nghiệm thu). Hiện đang chủ trì 01 đề tài cấp Nafosted và là thành viên chính tham gia 01 đề tài cấp nhà nước. Những nghiên cứu này có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chuyên môn của ứng viên, từ đó giúp ứng viên thực hiện tốt hơn nhiệm vụ giảng dạy và hướng dẫn sinh viên tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN.

+ Ứng viên đã công bố 51 bài báo trên tạp chí uy tín, hội thảo trong và ngoài nước (39 bài là tác giả chính). Năm 2022 và 2023, ứng viên là một trong 3 giảng viên có thành tích công bố tốt nhất ĐHQGHN và là một trong các nhà khoa học được Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội trao tặng bằng khen vì đạt thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Trong năm 2023, ứng viên đã được vinh danh là Gương mặt trẻ tiêu biểu cấp cơ sở và cấp ĐHQG trong lĩnh vực Khoa học công nghệ.



Hình 1: Thống kê số lượng công bố quốc tế của Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2022 và 2023 (Nguồn: Trung tâm thư viện và Tri thức số, ĐHQGHN)

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước  
+ Ngoài ra, ứng viên cũng tham gia tích cực vào việc định hướng các giảng viên trẻ, sinh viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học tại trường ĐHKHTN.*

- Về hoạt động cộng đồng: Các đề tài/dự án và các sản phẩm công bố khoa học của ứng viên tập trung vào hai hướng nghiên cứu chính: Nghiên cứu tai biến thiên nhiên trong quy hoạch và Địa lý tài nguyên và môi trường đã mang lại rất nhiều lợi ích cho cộng đồng, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu, biến đổi sử dụng đất và đô thị hóa. Biến đổi khí hậu, biến đổi sử dụng đất và quá trình đô thị hóa đang là những thách thức đặt ra một cách nghiêm trọng trong thế kỷ XXI. Để có thể thích ứng và giảm thiểu tác động của BDKH trong tương lai cũng như tăng cường năng lực chống chịu cho cộng đồng cư dân, cần phải có thông tin đầy đủ, tin cậy về sự biến đổi của hiện tượng khí hậu cực đoan và tác động của chúng trong tương lai. Về khía cạnh này, các công trình của ứng viên có thể hỗ trợ trong việc phát triển các biện pháp can thiệp hiệu quả để giảm thiểu thiệt hại do tai biến thiên nhiên; là một công cụ hữu ích giúp cải thiện kế hoạch phòng chống tai biến thiên nhiên và xây dựng phương án ứng phó trong các trường hợp khẩn cấp.

- Hợp tác quốc tế: Hợp tác quốc tế đóng một vai trò thiết yếu trong việc cải thiện chất lượng đào tạo và nâng cao năng lực trong lĩnh vực khoa học công nghệ. Nhận thức rõ vai trò quan trọng của việc thiết lập và phát triển các mối quan hệ hợp tác, ứng viên đã chủ động xây dựng và mở rộng hợp tác với nhiều cơ sở giáo dục và nghiên cứu hàng đầu thế giới như Ion Mincu University of Architecture and Urbanism, Romania; Babes-Bolyai University, Cluj-Napoca, Romania; Valahia University of Targoviste, Romania; Université Côte d'Azur, France; Jet Propulsion Laboratory, California Institute of Technology, USA; University of Montpellier, France. Trong thời gian tới, ứng viên sẽ không ngừng cống cỗ và mở rộng các mối quan hệ hợp tác này, góp phần nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực Địa lý và Quy hoạch.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 5 năm

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT              | Năm học   | Số lượng NCS<br>đã hướng dẫn |     | Số lượng<br>ThS/CK2/<br>BSNT đã<br>hướng dẫn         | Số đồ án,<br>khóa luận<br>tốt nghiệp<br>ĐH đã HD | Số giờ chuẩn gd<br>trực tiếp trên lớp |     | Tổng số giờ chuẩn<br>gd trực tiếp trên<br>lớp/số giờ chuẩn gd<br>quy đổi/số giờ<br>chuẩn định mức (*) |
|-----------------|-----------|------------------------------|-----|--|--|---------------------------------------|-----|---|
|                 |           | Chính                        | Phụ |  |  | ĐH                                    | SĐH |   |
| 1               | 2018-2019 | -                            | -   | -  | -  | -                                     | -   | 0/0/270   |
| 2               | 2019-2020 |                              |     |  | 01   | 245                                   | 0   | 245/293/270   |
| 3               | 2020-2021 |                              |     |  | 02   | 182,5                                 | 0   | 182,5/244,5/229,5   |
| 03 năm học cuối |           |                              |     |  |  |                                       |     |   |
| 4               | 2021-2022 |                              |     | 01 (hướng<br>dẫn chính)                              | 02   | 185                                   | 45  | 230/370,5/229,5   |
| 5               | 2022-2023 |                              |     | 03 (01 hướng<br>dẫn chính và<br>02 hướng<br>dẫn phụ) | 01   | 170                                   | 0   | 170/234,17/204  |
| 6               | 2023-2024 |                              |     | 01 (hướng<br>dẫn chính)                              | 04   | 281,25                                | 0   | 281,25/448,42/204   |



5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

| TT | Tên sách                    | Loại sách<br>(CK, GT,<br>TK, HD) | Nhà xuất<br>bản và<br>năm xuất<br>bản | Số tác<br>giả | Chủ biên | Phản biện<br>soạn (từ<br>trang ... đến<br>trang) | Xác nhận của cơ sở<br>GD&ĐT (số văn bản<br>xác nhận sử dụng<br>sách) |
|----|-----------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|---------------|----------|--|--|
| I  | Trước khi được công nhận TS |                                  |                                       |               |          |  |  |
| I  | Không có                    |                                  |                                       |               |          |  |  |
| II | Sau khi được công nhận TS   |                                  |                                       |               |          |  |  |
| I  | Không có                    |                                  |                                       |               |          |  |  |

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học<br>và công nghệ (CT,<br>ĐT...)   | CN/PCN/TK           | Mã số và cấp quản<br>lý  | Thời gian<br>thực hiện | Thời gian nghiệm<br>thu (ngày, tháng,<br>năm)/Xếp loại KQ |
|----|--|---------------------|--|------------------------|---|
| I  | Trước khi được công nhận TS  |                     |  |                        |   |
|    | Không có   |                     |  |                        |   |
| II | Sau khi được công nhận TS  |                     |  |                        |   |
| 1  | Đánh giá mối quan hệ<br>giữa sử dụng đất và tính<br>dễ bị tổn thương của cộng<br>đồng dân cư miền núi và<br>ven biển tinh Quảng Bình<br>dưới tác động của lũ lụt”. | CN                  | 105.07-2019.308<br>(Quỹ Khoa học và<br>công nghệ Quốc gia<br>– Nafosted) | 4/2020-<br>10/2022     | Nghiệm thu<br>8/10/2022<br>Xếp loại: Đạt                  |
| 2  | Tích hợp mô hình biến<br>đổi sử dụng đất và học<br>sâu trong dự báo rủi ro lũ:<br>Áp dụng cho lưu vực<br>sông Nhật Lệ - Kiến<br>Giang                              | CN                  | QG.22.20 (Đại học<br>Quốc gia Hà Nội)                                    | 5/2022-<br>4/2024      | 3/04/2024<br>Xếp loại: Xuất sắc                           |
| 3  | Nghiên cứu mẫu thuỷ sữ<br>dụng đất theo tiếp cận<br>cánh quan và hệ thông tin<br>địa lý tại lưu vực sông<br>Trà Khúc   | Thành viên<br>chính | QG.20.12 (Đại học<br>Quốc gia Hà Nội)                                    | 5/2020-<br>6/2022      | 02/06/2022<br>Xếp loại: Đạt                               |
| 4  | Phát triển mô hình học<br>máy sâu trong giám sát<br>biển động bờ biển Trung<br>Bộ  | Thành viên<br>chính | QG.21.17 (Đại học<br>Quốc gia Hà Nội)                                    | 4/2021-<br>3/2023      | 10/03/2023<br>Xếp loại: Xuất sắc                          |
| 5  | Ứng dụng phương pháp<br>GNSS phản xạ (GNSS-<br>R) để phát hiện các sự<br>kiện nước dâng cực đoan<br>ở vùng ven biển Thừa<br>Thiên – Huế                            | Thành viên<br>chính | QG.21.33 (Đại học<br>Quốc gia Hà Nội)                                    | 4/2021-<br>5/2023      | 18/05/2023<br>Xếp loại: Tốt                               |

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)  | CN/PCN/TK        | Mã số và cấp quản lý  | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ |
|----|---|------------------|---|---------------------|---|
| 6  | Nghiên cứu, đánh giá hệ sinh thái đất ngập nước ven biển vườn quốc gia Côn Đảo, đề xuất giải pháp bảo tồn và phát triển bền vững.                             | Thành viên chính | TNMT.2021.562.07<br>(Bộ Tài nguyên và Môi trường)                 | 2020-2023           | 21/07/2023<br>Xếp loại: Khá                         |
| 7  | Nghiên cứu động thái carbon do thay đổi sử dụng đất giữa các hệ sinh thái và sinh kế người dân tại vùng Đông Bắc Bộ   | Thành viên chính | ĐTĐL.CN-42/23<br>(Bộ Khoa học và Công nghệ)                       | 1/2023-12/2025      | Đang thực hiện                                      |
| 8  | Quan hệ giữa xâm nhập mặn và biến đổi sử dụng đất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng (Thí điểm tại tỉnh Trà Vinh và tỉnh Thái Bình) | CN               | 105.08-2023.13<br>(Quỹ Khoa học và công nghệ Quốc gia – Nafosted) | 6/2023-6/2025       | Đang thực hiện                                      |

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| TT                                   | Tên bài báo/báo cáo KH  | Số tác giả | Là tác giả chính                                   | Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN            | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang  | Tháng, năm công bố |
|--------------------------------------|---|------------|--|--|---|--|---|--------------------|
| <b>I TRƯỚC KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TS</b> |   |            |  |  |   |  |   |                    |
| <b>Tạp chí quốc tế</b>               |   |            |  |  |   |  |   |                    |
| 1                                    | Rice Field Landscapes and Their Recent Evolution in The Gianh River Delta | 3          | Tác giả chính (First author+ Corresponding author) | Cybergeo: European Journal of Geography<br>ISSN: 1278-3366 | Scopus IF 0.388<br>H 17<br>Q3                     | 1  | Cybergeo:<br>European<br>Journal of<br>Geography<br>876<br><a href="https://journals.openedition.org/cybergeo/29826?lang=e">https://journals.openedition.org/cybergeo/29826?lang=e</a><br>n | 12/2018            |

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỳ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Q1) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|----|------------------------|------------|------------------|---|---|--|----------------|--------------------|
|----|------------------------|------------|------------------|---|---|--|----------------|--------------------|

Báo cáo khoa học hội nghị quốc tế, quốc gia

|   |   |   |  |   |  |  |  |        |
|---|---|---|--|---|--|--|--|--------|
| 2 | The Flood Risk in the Lower Gianh River: Modelling and Field Verification | 3 | Tác giả chính (Tác giả đầu và tác giả liên hệ) | Air and Water Components of the Environment International Conference, Cluj-Napoca, Romania in 2016<br>ISSN: 2067-743X |  |  | Link mục lục:<br><a href="https://aerapa.conference.ubbcuj.ro/2016/Vol_2016_cuprins.html">https://aerapa.conference.ubbcuj.ro/2016/Vol_2016_cuprins.html</a><br>Link bài báo:<br>DOI:<br><a href="https://doi.org/10.17378/AWC2016_03">10.17378/AWC2016_03</a> | 3/2016 |
|---|---|---|--|---|--|--|--|--------|

II SAU KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TS

Tạp chí quốc tế

|   |   |    |  |   |   |    |   |         |
|---|---|----|--|---|---|----|---|---------|
| 3 | A Novel Method for Multispectral Image Classification by Using Social Spider Optimization Algorithm Integrated to Fuzzy C-Mean Clustering | 9  |  | Canadian Journal of Remote Sensing<br>ISSN: 0703-8992<br>eISSN: 1712-7971 | SCIE,<br>IF: 3.0<br>H - index: 84<br>Q1 | 5  | <i>Canadian Journal of Remote Sensing</i><br><b>45(1), p. 42-53</b><br><a href="https://doi.org/10.1080/07038992.2019.1610369">https://doi.org/10.1080/07038992.2019.1610369</a>  | 5/2019  |
| 4 | Impacts of Urbanization and Tourism on the Erosion and Accretion of European, Asian and African Coastal Areas and Possible Solutions.     | 12 | Tác giả chính (Tác giả đầu và tác giả liên hệ) | Urbanism. Architecture. Constructions<br>ISSN: 2069-6469                  | Scopus<br>IF 0.7<br>H 6<br>Q3           | 16 | <i>Urbanism. Architecture. Constructions</i><br><b>11(2), p. 123-156</b><br>Link các số của tạp chí:<br><a href="https://uac.indro/EN/Index/arhiva.htm">https://uac.indro/EN/Index/arhiva.htm</a><br>Link bài báo:<br><a href="https://uac.indro/Art/v11n2a02.pdf">https://uac.indro/Art/v11n2a02.pdf</a> | 11/2020 |

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH  | Số tác giả | Là tác giả chính                               | Tên tạp chí hoặc ký yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                    | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang  | Tháng, năm công bố |
|----|---|------------|--|--|---|--|---|--------------------|
| 5  | Predicting Future Urban Flood Risk using Land Change and Hydraulic Modeling in a River Watershed in the Central Province of Vietnam             | 13         | Tác giả chính (Tác giả đầu)                    | Remote Sensing<br>ISSN 2072-4292 (MDPI)                            | SCIE/ISI<br>IF 5.5<br>H-index 193<br>Q1           | 30   | Remote Sensing 13(2), p. 262<br><a href="https://doi.org/10.3390/rs13020262">https://doi.org/10.3390/rs13020262</a>   | 1/2021             |
| 6  | Henry's Gas Solubility Optimization Algorithm in Formulating Deep Neural Network for Landslide Susceptibility Assessment in Mountainous Areas   | 6          |  | Environmental Earth Sciences<br>ISSN:1866-6280<br>eISSN: 1866-6299 | ECIE/ISI<br>IF 3.0<br>H-index: 150<br>Q2          | 6  | Environmental Earth Sciences 80(414)<br><a href="https://doi.org/10.1007/s12665-021-09711-6">https://doi.org/10.1007/s12665-021-09711-6</a>   | 5/2021             |
| 7  | Impacts of Urbanization and Drought on Rice Surface Change: Case Study Gianh River Estuary, Vietnam   | 6          | Tác giả chính (Tác giả đầu và tác giả liên hệ) | Urbanism. Architecture. Constructions<br>ISSN 2069-6469            | Scopus<br>IF 0.89<br>H 6<br>Q2                    |  | Urbanism. Architecture. Constructions 12(1), p. 25-44<br>Link danh mục các số của tạp chí:<br><a href="https://uac.indd.ro/EN/Index_arhiva.htm">https://uac.indd.ro/EN/Index_arhiva.htm</a><br>Link bài báo:<br><a href="https://uac.indd.ro/Art/v12n1a3.pdf">https://uac.indd.ro/Art/v12n1a3.pdf</a> | 6/2021             |
| 8  | A novel Combination of Deep Neural Network and Manta Ray Foraging Optimization for Flood Susceptibility Mapping in Quang Ngai Province, Vietnam | 6          | Tác giả chính (Tác giả đầu)                    | Geocarto International<br>ISSN: 1010-6049<br>eISSN: 1752-0762      | SCIE/ISI<br>IF 3.3<br>H-index: 60<br>Q1           | 12   | Geocarto International 37(25), p. 7531-7555<br><a href="https://doi.org/10.1080/10106049.2021.1975832">https://doi.org/10.1080/10106049.2021.1975832</a>  | 9/2021             |

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH   | Số tác giả | Là tác giả chính                               | Tên tạp chí hoặc kỳ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                      | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang   | Tháng, năm công bố |
|----|--|------------|--|--|---|--|--|--------------------|
| 9  | U-shaped Deep-Learning Models for Island Ecosystem Type Classification, a Case Study in Con Dao Island of Vietnam  | 11         |  | One Ecosystem<br>ISSN: 2367-8194                                     | ESCI/Scopus<br>IF 3.4<br>H-index 20<br>Q1         | 5  | <i>One Ecosystem</i><br>7(9): e79160<br>Doi: 10.3897/onee.co.7.e79160  | 2/2022             |
| 10 | Hybrid Models based on Deep Learning Neural Network and Optimization Algorithms for the Spatial Prediction of Tropical Forest Fire Susceptibility in Nghe An Province, Vietnam         | 1          | Tác giả chính (Tác giả đầu và tác giả liên hệ) | Geocarto International<br>ISSN: 1010-6049<br>eISSN: 1752-0762        | SCIE/ISI<br>IF 3.3<br>H-index: 60<br>Q1           | 13   | <i>Geocarto International</i><br>37(26), p. 11281-11305<br><a href="https://doi.org/10.1080/10106049.2022.2048904">https://doi.org/10.1080/10106049.2022.2048904</a>     | 3/2022             |
| 11 | A Novel Hybrid Approach to Flood Susceptibility Assessment based on Machine Learning and Land Use Change. Case Study: a River Watershed in Vietnam                                     | 10         | Tác giả chính (Tác giả đầu)                    | Hydrological Sciences Journal<br>ISSN: 0262-6667<br>eISSN: 2150-3435 | SCIE/ISI<br>IF 3.6<br>H-index: 118<br>Q1          | 2  | <i>Hydrological Sciences Journal</i><br>67(7), p. 1065-1083<br><a href="https://doi.org/10.1080/02626667.2022.2060108">https://doi.org/10.1080/02626667.2022.2060108</a> | 5/2022             |
| 12 | Evaluating the Effects of Climate and Land Use Change on the Future Flood Susceptibility in the Central Region of Vietnam by Integrating Land Change Modeler, Machine Learning Methods | 5          | Tác giả chính (Tác giả đầu)                    | Geocarto International<br>ISSN: 1010-6049<br>eISSN: 1752-0762        | SCIE/ISI<br>IF 3.3<br>H-index: 60<br>Q1           | 10   | <i>Geocarto International</i><br>37(26), p. 12810-12845<br><a href="https://doi.org/10.1080/10106049.2022.2071477">https://doi.org/10.1080/10106049.2022.2071477</a>     | 5/2022             |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH  | Số tác giả | Là tác giả chính                               | Tên tạp chí hoặc kỳ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN            | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang  | Tháng, năm công bố |
|----|---|------------|--|--|---|--|---|--------------------|
| 13 | GIS-based Hybrid Machine Learning for Flood Susceptibility Prediction in the Nhat Le-Kien Giang Watershed, Vietnam            | 1          | Tác giả chính (Tác giả đầu và tác giả liên hệ) | Earth Science Informatics ISSN: 1865-0473 eISSN: 1865-0481 | SCIE/ISI IF 3.0<br>H-index: 38 Q2                 | 14   | <i>Earth Science Informatics</i> 15(4), p. 2369–2386<br><a href="https://doi.org/10.1007/s12145-022-00825-4">https://doi.org/10.1007/s12145-022-00825-4</a>                   | 6/2022             |
| 14 | Cropland Abandonment and Flood Risks: Spatial Analysis of a Case in North Central Vietnam                                     | 11         | Tác giả chính (Tác giả đầu)                    | Anthropocene ISSN/eISSN: 2213-3054                         | SCIE/ISI IF 3.9<br>H-index: 43 Q1                 | 5  | <i>Anthropocene</i> 38, 100341<br><a href="https://doi.org/10.1016/j.ancene.2022.100341">https://doi.org/10.1016/j.ancene.2022.100341</a>                                     | 6/2022             |
| 15 | The Composition of Time-series Images and using the Technique SMOTE ENN for Balancing Datasets in Land Use/Cover Mapping      | 8          | Tác giả chính (Tác giả liên hệ)                | Acta Montanistica Slovaca ISSN: 1335-1788                  | SCIE/ISI IF 2.2<br>H-index: 28 Q3                 | 6  | <i>Acta Montanistica Slovaca</i> 27(2), p. 342-359<br>Link bài báo: <a href="https://actamont.tuke.sk/pdf/2022/n2/5ng0.pdf">https://actamont.tuke.sk/pdf/2022/n2/5ng0.pdf</a> | 8/2022             |
| 16 | Flood Susceptibility Assessment using Hybrid Machine Learning and Remote Sensing in Quang Tri Province, Vietnam               | 1          | Tác giả chính (Tác giả đầu và tác giả liên hệ) | Transaction in GIS ISSN: 1361-1682 eISSN: 1467-9671        | SSCI/ISI IF 2.6<br>H-index: 76 Q2                 | 5  | <i>Transaction in GIS</i> 26(7), p. 2776-2801<br><a href="https://doi.org/10.1111/tgis.12980">https://doi.org/10.1111/tgis.12980</a>  | 9/2022             |
| 17 | Daily Streamflow Forecasting Using Extreme Learning Machine and Optimization Algorithm. Case Study: Tra Khuc River in Vietnam | 1          | Tác giả chính (Tác giả đầu và tác giả liên hệ) | Geographia Technica ISSN: 1842-5135 eISSN: 2065-4421       | ESCI/Scopus IF 1.1<br>H-index: 16 Q3              |  | <i>Geographia Technica</i> , 17(2), p. 148 – 163<br>DOI : 10.21163/GT 2022.172.13   | 10/2022            |

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH   | Số tác giả | Là tác giả chính                               | Tên tạp chí hoặc kỳ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                            | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang  | Tháng, năm công bố |
|----|--|------------|--|--|---|--|---|--------------------|
| 18 | Application of Deep Learning Models to Detect Coastlines and Shorelines  | 11         |  | Journal of Environmental Management<br>ISSN: 0301-4797<br>eISSN: 1095-8630 | SCIE/ISI<br>ISI: 9.3<br>H- Index: 243<br>Q1       | 14   | <i>Journal of Environmental Management</i><br>320, p. 115732<br><a href="https://doi.org/10.1016/j.jenvman.2022.115732">https://doi.org/10.1016/j.jenvman.2022.115732</a> | 10/2022            |
| 19 | Flood Susceptibility Mapping using Advanced Hybrid Machine Learning and CyGNSS: a Case Study of Nghe An Province, Vietnam                        | 9          | Tác giả chính (Tác giả đầu)                    | Acta Geophysica<br>ISSN: 1895-6572<br>eISSN: 1895-7455                     | ISI/SCIE<br>IF 2.1<br>H 45<br>Q2                  |  | <i>Acta Geophysica</i><br>70(6), p. 2785-2803<br><a href="https://doi.org/10.1007/s11600-022-00940-2">https://doi.org/10.1007/s11600-022-00940-2</a>                      | 10/2022            |
| 20 | Daily Streamflow Forecasting by Machine Learning in Tra Khuc River in Vietnam  | 1          | Tác giả chính (Tác giả đầu và tác giả liên hệ) | Vietnam Journal of Earth Sciences<br>ISSN: 0866-7187<br>eISSN: 2615-9783   | ESCI/Scopus<br>IF 1.87<br>H-index: 14<br>Q3       | 2  | <i>Vietnam Journal of Earth Sciences</i><br>45(1), p. 82-97<br><a href="https://doi.org/10.15625/2615-9783/17914">https://doi.org/10.15625/2615-9783/17914</a>            | 12/2022            |
| 21 | Spatial Modeling of Flood Hazard using Machine Learning and GIS in Ha Tinh Province, Viet nam  | 1          | Tác giả chính (Tác giả đầu và tác giả liên hệ) | Journal of Water and Climate Change<br>ISSN: 2040-2244<br>eISSN: 2408-9354 | SCIE/ISI<br>IF 3.0<br>H-index: 36<br>Q2           | 11   | <i>Journal of Water and Climate Change</i><br>14(1), p. 200-222<br><a href="https://doi.org/10.2166/wcc.2022.257">https://doi.org/10.2166/wcc.2022.257</a>                | 12/2022            |
| 22 | Deep Learning to Assess the Effects of Land Use/Land Cover and Climate Change on Landslide Susceptibility in the Tra Khuc River Basin in Vietnam | 9          | Tác giả chính (Tác giả liên hệ)                | Geocarto International<br>ISSN: 1010-6049<br>eISSN: 1752-0762              | SCIE/ISI<br>IF 3.5<br>H-index 60<br>Q1            | 6  | <i>Geocarto International</i><br>37(18), p. 2172218<br><a href="https://doi.org/10.1080/10106049.2023.2172218">https://doi.org/10.1080/10106049.2023.2172218</a>          | 1/2023             |

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH  | Số tác giả | Là tác giả chính                | Tên tạp chí hoặc kỳ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                            | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang  | Tháng, năm công bố |
|----|---|------------|---------------------------------|--|---|--|---|--------------------|
| 23 | Fine-Tuning LightGBM Using an Artificial Ecosystem-Based Optimizer for Forest Fire Analysis   | 4          |                                 | Forest Science<br>ISSN: 0015-749X<br>eISSN: 1938-3738                      | SCIE/ISI<br>IF 1.3<br>H-index 89<br>Q2            | 7  | <i>Forest Science</i> 69(1), p. 73-82<br><a href="https://doi.org/10.1093/forsci/fxac039">https://doi.org/10.1093/forsci/fxac039</a>  | 1/2023             |
| 24 | Application of Hybrid Model-based Deep Learning and Swarm-Based Optimizers for Flood Susceptibility Prediction in Binh Dinh Province, Vietnam | 3          | Tác giả chính (Tác giả đầu)     | Earth Science Informatics<br>ISSN: 1865-0473<br>eISSN: 1865-0481           | SCIE/ISI<br>IF 3.2<br>H-index 38<br>Q2            | 4  | <i>Earth Science Informatics</i> 16(2), p. 1173–1193.<br><a href="https://doi.org/10.1007/s12145-023-00954-4">https://doi.org/10.1007/s12145-023-00954-4</a>  | 2/2023             |
| 25 | Gis-based Analytical Hierarchy Process Modeling for Flood-Prone Area Mapping in Vietnam   | 2          | Tác giả chính (Tác giả đầu)     | Geographia Technica<br>ISSN: 1842-5135 eISSN: 2065-4421                    | ESCI/Scopus<br>IF 1.0<br>H-index: 16<br>Q3        |  | <i>Geographia Technica</i> 18(1), p. 56-70<br>Link danh mục bài báo:<br><a href="https://technicalegeography.org/index.php/journal-archive/44-latest-issue-1-2023">https://technicalegeography.org/index.php/journal-archive/44-latest-issue-1-2023</a><br>Link bài báo:<br><a href="https://technicalegeography.org/index.php/on-line-first/445-05_nguyen">https://technicalegeography.org/index.php/on-line-first/445-05_nguyen</a> | 3/2023             |
| 26 | Daily Streamflow Prediction based on Long Short-Term Memory Algorithm: A Case Study in the Vietnamese Mekong Delta                            | 4          | Tác giả chính (Tác giả liên hệ) | Journal of Water and Climate Change<br>ISSN: 2040-2244<br>eISSN: 2408-9354 | SCIE/ISI<br>IF 2.9<br>H-index 36<br>Q2            | 1  | <i>Journal of Water and Climate Change</i> 14(4): p. 1247-1267.<br><a href="https://doi.org/10.2166/wcc.2023.419">https://doi.org/10.2166/wcc.2023.419</a>  | 3/2023             |

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH  | Số tác giả | Là tác giả chính                               | Tên tạp chí hoặc kỳ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Q1) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang  | Tháng, năm công bố |
|----|---|------------|--|--|---|--|---|--------------------|
| 27 | Soil Salinity Prediction using Hybrid Machine Learning and Remote Sensing in Ben Tre Province on Vietnam's Mekong River Delta | 7          | Tác giả chính (Tác giả đầu)                    | Environmental Science and Pollution Research<br>ISSN: 09441344 | ECIE/ISI<br>IF 6.2<br>H-index: 179<br>Q1          | 4  | <i>Environmental Science and Pollution Research</i><br>30(29), p. 74340–74357<br><a href="https://doi.org/10.1007/s11356-023-27516-x">https://doi.org/10.1007/s11356-023-27516-x</a>  | 5/2023             |
| 28 | Flood Hazard and Resilience in the Watershed Nhat Le-Kien Giang in Vietnam  | 3          | Tác giả chính (Tác giả đầu và tác giả liên hệ) | Urbanism. Architecture. Constructions<br>ISSN 2069-6469        | Scopus<br>IF 0.56<br>H-index: 5<br>Q3             |  | <i>Urbanism. Architecture. Constructions</i><br>14(1)<br>Link danh mục các số của tạp chí:<br><a href="https://uac.indro/EN/Index/arhiva.htm">https://uac.indro/EN/Index/arhiva.htm</a><br>Link bài báo:<br><a href="https://uac.indro/Art/v14n1a1.pdf">https://uac.indro/Art/v14n1a1.pdf</a> | 5/2023             |
| 29 | Predicting Land Use Effects on Flood Susceptibility using Machine Learning and Remote Sensing in Coastal Vietnam              | 8          | Tác giả chính (Tác giả liên hệ)                | Water Practice and Technology<br>ISSN: 1751231X                | ESCI/Scopus<br>IF 2.0<br>H-index: 23<br>Q3        | 2  | <i>Water Practice &amp; Technology</i><br>18(6), p. 1543-1555<br>doi:<br>10.2166/wpt.2023.088   | 6/2023             |

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH  | Số tác giả | Là tác giả chính                               | Tên tạp chí hoặc kỳ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                       | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang  | Tháng, năm công bố |
|----|---|------------|--|---|---|--|---|--------------------|
| 30 | Assessment of Inundation Susceptibility in the Context of Climate Change, based on Machine Learning and Remote Sensing: Case Study in Vinh Phuc Province of Vietnam | 3          | Tác giả chính (Tác giả liên hệ)                | Geographia Technica<br>ISSN:1842-5135 eISSN: 2065-4421                | ESCI/Scopus<br>IF 1.0<br>H-index: 16<br>Q3        |  | <i>Geographia Technica</i> , 18(2), p. 93-112<br>Link danh mục các bài báo trong số 2: <a href="https://technicogeography.org/index.php/journal-archive/45-latest-issue-2-2023">https://technicogeography.org/index.php/journal-archive/45-latest-issue-2-2023</a><br>Link bài báo: <a href="https://technicogeography.org/index.php/on-line-first/461-07 Hung">https://technicogeography.org/index.php/on-line-first/461-07 Hung</a> | 7/2023             |
| 31 | Multi-hazard Assessment using Machine Learning and Remote Sensing in the North Central Region of Vietnam  | 4          | Tác giả chính (Tác giả đầu và tác giả liên hệ) | Transaction in GIS<br>ISSN: 1361-1682 eISSN: 1467-9671                | SSCI/ISI<br>IF 2.5<br>H-index: 76<br>Q2           | 2  | <i>Transactions in GIS</i> 27(5), p. 1614-1640<br><a href="https://doi.org/10.1111/tgis.13091">https://doi.org/10.1111/tgis.13091</a>   | 7/2023             |
| 32 | A Framework for Flood Depth using Hydrodynamic Modeling and Machine Learning in the Coastal Province of Vietnam   | 7          | Tác giả chính (Tác giả đầu và tác giả liên hệ) | Vietnam Journal of Earth Sciences<br>ISSN: 0866-7187 eISSN: 2615-9783 | ESCI/Scopus<br>IF 2.1<br>H-index: 14<br>Q2        | 2  | <i>Vietnam Journal of Earth Sciences</i> 45(4), p. 456-478<br><a href="https://doi.org/10.15625/2615-9783/18644">https://doi.org/10.15625/2615-9783/18644</a>   | 8/2023             |
| 33 | Bottom-up Approach for Flood-Risk Management in Developing Countries: a Case Study in the Gianh River Watershed of Vietnam  | 11         | Tác giả chính (Tác giả đầu)                    | Natural Hazards<br>ISSN: 0921-030X eISSN: 1573-0840                   | SCIE/ ISI<br>IF 3.8<br>H-index 139<br>Q1          | 2  | <i>Natural Hazards</i> 118, p. 1933-1959<br><a href="https://doi.org/10.1007/s11069-023-06098-4">https://doi.org/10.1007/s11069-023-06098-4</a>   | 8/2023             |

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH  | Số tác giả | Là tác giả chính                               | Tên tạp chí hoặc kỳ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                              | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang  | Tháng, năm công bố |
|----|---|------------|--|--|---|--|---|--------------------|
| 34 | Landslide Susceptibility Prediction using Machine Learning and Remote Sensing: Case Study in Thua Thien Hue Province, Vietnam | 9          | Tác giả chính (Tác giả đầu và tác giả liên hệ) | Geological Journal ISSN:0072-1050 eISSN: 1099-1034                           | SCIE/ISI<br>IF 1.5<br>H-index: 63<br>Q2           |  | <i>Geological Journal</i> 59(2), p. 636-658<br><a href="https://doi.org/10.1002/gj.4885">https://doi.org/10.1002/gj.4885</a>  | 9/2023             |
| 35 | Integration of Machine Learning and Hydrodynamic Modeling to Solve the Extrapolation Problem in Flood Depth Estimation        | 10         | Tác giả chính (Tác giả đầu)                    | Journal of Water and Climate Change ISSN: 2040-2244 eISSN: 2408-9354         | SCIE/ISI<br>IF 2.9<br>H-index: 36<br>Q2           | 1  | <i>Journal of Water and Climate Change</i> 15(1), p. 284-304<br><a href="https://doi.org/10.2166/wcc.2023.573">https://doi.org/10.2166/wcc.2023.573</a>                       | 12/2023            |
| 36 | Application of hybrid Model-based Machine Learning for Groundwater Potential Prediction in the North Central of Vietnam       | 10         | Tác giả chính (Tác giả đầu và tác giả liên hệ) | Earth Science Informatics ISSN: 1865-0473 eISSN: 1865-0481                   | SCIE/ISI<br>IF 3.2<br>H-index: 38<br>Q2           | 1  | <i>Earth Science Informatics</i> , 17, p. 1569–1589<br><a href="https://doi.org/10.1007/s12145-023-01209-y">https://doi.org/10.1007/s12145-023-01209-y</a>                    | 1/2024             |
| 37 | Solving the Spatial Extrapolation Problem in Flood Susceptibility Using Hybrid Machine Learning, Remote Sensing and GIS       | 3          | Tác giả chính (Tác giả đầu và tác giả liên hệ) | Environmental Science and Pollution Research ISSN: 0944-1344 eISSN:1614-7499 | SCIE/ISI<br>IF 6.2<br>H-index: 154<br>Q1          | 1  | <i>Environmental Science and Pollution Research</i> 31, p. 18701–18722<br><a href="https://doi.org/10.1007/s11356-024-32163-x">https://doi.org/10.1007/s11356-024-32163-x</a> | 2/2024             |
| 38 | Hybrid Machine Learning Models for Aboveground Biomass Estimations  | 9          |  | Ecological Informatics ISSN: 15749541  | ISI<br>IF: 6.4<br>H-index: 66<br>Q1               | 1  | <i>Ecological Informatics</i> 79, p. 102421.<br><a href="https://doi.org/10.1016/j.ecoinf.2023.102421">https://doi.org/10.1016/j.ecoinf.2023.102421</a>                       | 3/2024             |

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH  | Số tác giả | Là tác giả chính                               | Tên tạp chí hoặc kỳ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                          | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)  | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang   | Tháng, năm công bố |
|----|---|------------|--|--|--|--|--|--------------------|
| 39 | A Novel Flood Risk Management Approach based on Future Climate and Land Use Change Scenarios                    | 8          | Tác giả chính (Tác giả đầu và tác giả liên hệ) | Science of The Total Environment<br>ISSN: 0048-9697<br>eISSN: 1879-1026  | SCIE/ISI<br>IF 9.4<br>H index: 353<br>Q1<br>Top 5% | 3  | <i>Science of The Total Environment</i> , 921, p. 171204<br><a href="https://doi.org/10.1016/j.scitotenv.2024.171204">https://doi.org/10.1016/j.scitotenv.2024.171204</a>  | 4/2024             |
| 40 | Integrated Machine Learning and Remote Sensing for Groundwater Potential Mapping in the Mekong Delta in Vietnam | 10         | Tác giả chính (Tác giả đầu và tác giả liên hệ) | Acta Geophysica<br>ISSN: 1895-6572<br>eISSN: 1895-7455                   | ISI/SCIE<br>IF 2.3<br>H-index: 45<br>Q2            | 1  | <i>Acta Geophysica</i><br><a href="https://doi.org/10.1007/s11600-024-01331-5">https://doi.org/10.1007/s11600-024-01331-5</a>  | 4/2024             |
| 41 | Assessing the Relationship between Landslide Susceptibility and Land Cover Change using Machine Learning        | 4          | Tác giả chính (Tác giả đầu và tác giả liên hệ) | Vietnam Journal of Earth Sciences<br>ISSN: 0866-7187<br>eISSN: 2615-9783 | ESCI/Scopus<br>IF 2.1<br>H-index: 14<br>Q2         |  | <i>Vietnam Journal of Earth Sciences</i><br><a href="https://doi.org/10.15625/2615-9783/20706">https://doi.org/10.15625/2615-9783/20706</a>  | 5/2024             |
| 42 | Groundwater Potential Assessment in Gia Lai Province (Vietnam) using Machine Learning, Remote Sensing and GIS   | 5          | Tác giả chính (Tác giả đầu)                    | Geographia Technica<br>ISSN: 1842-5135<br>eISSN: 2065-4421               | ESCI/Scopus<br>IF 1.0<br>H-index: 16<br>Q3         |  | <i>Geographia Technica</i> 19(2), p. 13-32<br>Link danh mục các bài báo trong số 2:<br><a href="https://technicaleography.org/index.php/onlinefirst">https://technicaleography.org/index.php/onlinefirst</a><br>Link bài báo:<br><a href="https://technicaleography.org/index.php/on-line-first/490-02_nguyen">https://technicaleography.org/index.php/on-line-first/490-02_nguyen</a> | 6/2024             |

| TT                                       | Tên bài báo/báo cáo KH   | Số tác giả | Là tác giả chính                               | Tên tạp chí hoặc kỳ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN   | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang   | Tháng, năm công bố |
|--|--|------------|--|---|---|--|--|--------------------|
|  |  |            |  |   |   |  |  |                    |
| 43                                       | Research on the Vulnerability of the Community to Flood: A Case Study at the Downstream of Gianh River, Quang Binh Province  | 6          |  | Tạp chí Khoa học-Đại học Quốc gia Hà Nội: Các khoa học Trái đất và Môi trường/ISSN 0866-8612      |   |  | Số 37(4), trang 107-118<br><a href="https://js.vnu.edu.vn/EES/article/view/4846">https://js.vnu.edu.vn/EES/article/view/4846</a> | 12/2021            |
| 44                                       | Application of GNSS Reflectometry in Water Level Monitoring using Low-Cost GNSS Antenna : A Case Study in Tam Giang Lagoon, Thua Thien Hue province  | 7          |  | Tạp chí Khoa học-Đại học Quốc gia Hà Nội: Các khoa học Trái đất và Môi trường/ISSN 0866-8612      |   | 1  | Số 38(4), trang 75-88<br><a href="https://js.vnu.edu.vn/EES/article/view/4878">https://js.vnu.edu.vn/EES/article/view/4878</a>   | 12/2022            |
| <b>Báo cáo khoa học hội nghị quốc tế</b> |  |            |  |   |   |  |  |                    |
| 45                                       | Flood Dynamics and Risk Management at the Gianh River Estuary: Are Measures Able to Reduce Risks Satisfactorily?   | 5          | Tác giả chính (Tác giả đầu và tác giả liên hệ) | Conference Water resources and wetlands, 8-12 September 2021, Tulcea (Romania)<br>ISSN: 2285-7923 |   |  | Trang 97-108<br><a href="http://www.limnology.ro/www2020/proceedings.html">http://www.limnology.ro/www2020/proceedings.html</a>  | 12/2021            |
| 46                                       | Ảnh hưởng của biến đổi sử dụng đất và lượng mưa đến tính nhạy cảm lũ lụt tại lưu vực sông Nhật Lệ - Kiến Giang, tỉnh Quảng Bình  | 5          | Tác giả chính (Tác giả đầu và tác giả liên hệ) | Hội nghị Biển Đông, 13-14/09/2022, tại Nha Trang, Khánh Hòa<br>ISBN: 978-604-357-067-0            |   |  | Trang 609-621  | 09/2022            |
| 47                                       | An Experimental Comparison of Pixel-based and Object-based Classifications with Different Machine Learning Algorithms in Landscape Pattern Analysis – Case Study from Quang Ngai city, Vietnam | 6          |  | IOP Conference Series: Earth and Environmental Science  |   |  | Volume 1345(012019)<br>DOI 10.1088/1755-1315/1345/1/012019   | 5/2024             |

| TT                                 | Tên bài báo/báo cáo KH   | Số tác giả | Là tác giả chính                               | Tên tạp chí hoặc kỳ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN  | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang         | Tháng, năm công bố |
|------------------------------------|--|------------|--|--|---|--|------------------------|--------------------|
| Báo cáo khoa học hội nghị quốc gia |  |            |  |  |   |  |                        |                    |
| 48                                 | Nghiên cứu biến đổi không gian xanh tại thành phố Bắc Giang giai đoạn 2004-2020                      | 3          |  | Kỳ yếu Hội Nghị Địa Lý toàn quốc, 18/11/2021 tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. ISBN: 978-604-334-789-0 |   |  | Tập 2, trang 814-823   | 12/2021            |
| 49                                 | Ứng dụng phương pháp phản xạ GNSS để đánh giá khả năng phát hiện sự thay đổi độ ẩm của đất cát       | 5          |  | Kỳ yếu Hội thảo ứng dụng GIS Toàn quốc 2022, 11-12/11/2022 tại Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh. ISBN: 9786046724872   |   |  | Tập 2, Trang 360-372   | 11/2022            |
| 50                                 | Dùng dụng dữ liệu CYGNSS và mô hình học máy trong giám sát độ ẩm đất tại tỉnh Nghệ An                | 5          |  | Kỳ yếu Hội Nghị Địa Lý toàn quốc lần thứ XIII, 26-27/11/2022 tại UBND thị xã Sơn Tây. ISBN: 978-604-357-113-4  |   |  | Trang 873-887          | 11/2022            |
| 51                                 | Ứng dụng mô hình học máy và viễn thám trong thành lập bản đồ tính nhạy cảm lũ lụt tại tỉnh Quảng Nam | 1          | Tác giả chính (Tác giả đầu và tác giả liên hệ) | Kỳ yếu Hội Nghị Địa Lý toàn quốc lần thứ XIII, 26-27/11/2022 tại UBND thị xã Sơn Tây. ISBN: 978-604-357-113-4  |   |  | Tập 2, trang 819 – 828 | 11/2022            |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: Ứng viên công bố 41 bài báo trên tạp chí quốc tế uy tín; trong đó có 35 bài là tác giả chính (1, 4, 5, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 19, 20, 21, 22, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 39, 40, 41, 42), 4 bài báo trên kỳ yếu hội thảo quốc tế (2, 45, 46, 47), 4 Bài báo trên kỳ yếu hội thảo quốc gia (48, 49, 50, 51) và 2 bài báo trên tạp chí quốc gia uy tín (43, 44).

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/dề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN                           | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)   | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế  | Ghi chú               |
|----|---|--------------------------------|--|------------------------------------|--|-----------------------|
| 1  | Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản | Tham gia                       | Quyết định số 1530/QĐ-ĐHKHTN ngày 24/5/2019 về việc thành lập các tổ chuyên gia soạn thảo chương trình đào tạo | Đại học Quốc gia Hà Nội            | Quyết định số 723/QĐ-DHQGHN ngày 6/3/2020 về việc ban hành chương trình đào tạo và giao nhiệm vụ đào tạo | Chương trình thí điểm |

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thời gian đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): 1 năm (năm học 2018-2019).

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): 135 giờ (Năm học 2018-2019)

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): 270 giờ (Năm học 2018-2019)

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: .....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước  
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đôi với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH  ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đôi với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

Chú ý: Đôi với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đôi với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

### C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



The image shows a handwritten signature in black ink, which appears to be "Nguyễn Hữu Duy". The signature is fluid and stylized, with a large, prominent 'N' at the beginning. Below the main signature, there is a smaller, more cursive version of the same name.